TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/DS-ST
Ngày: 23-3-2022
V/v "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Ngọc.

Bà Huỳnh Ngọc Anh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Hoàng – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa*:** Ông K'Mích – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2022/TLST – DS ngày 17 tháng 01 năm 2022 về vụ việc: "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2022/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Vợ chồng ông Huỳnh Q, sinh năm: 1970.

Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1974.

Địa chỉ cư trú: Số 03, thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Bà Ma W, sinh năm: 1970.

Địa chỉ cư trú: Thôn C, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3. Người làm chứng: Ông Ya Đ, sinh năm:1995.

Địa chỉ cư trú: Thôn C, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà M, bà Ma W, ông Ya Đ có mặt, ông Q có đơn xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, lời khai của nguyên đơn vợ chồng ông Huỳnh Q, bà Nguyễn Thị M trình bày:

Ngày 20/01/2019 vợ chồng ông bà cho bà Ma W vay 10.000.000đồng, lãi suất 2%/tháng lấy lãi đến tháng 12/2019 và đến ngày 23/12/2019 vợ chồng ông bà cho bà Ma W vay tiếp 30.000.000đồng, lãi suất 2%/tháng nhưng chưa lấy lãi. Đến ngày 20/8/2021 chốt nợ lại bà Ma W vay vợ chồng ông bà 40.000.000đồng. Giấy xác nhận nợ do con bà Ma W là ông Ya Đ viết cho bà Ma W điểm chỉ. Sau đó, vợ chồng ông bà đòi nhiều lần nhưng bà Ma W không trả. Nay vợ chồng ông bà yêu cầu bà Ma W trả cho vợ chồng ông bà 40.000.000đồng gốc và lãi suất theo quy định.

Ngày 21/5/2021 bà có viết giấy cộng lại nợ cho bà W, tổng 45.200.000đồng, trong đó có 40.000.000đồng gốc từ ngày vay 2019 và 5.200.000đồng là lãi nhưng sau đó bà bớt 5.200.000đồng lãi nên đến tháng 8/2021 chốt lại là 40.000.000đồng gốc ngày 20/8/2021.

* Theo bị đơn bà Ma W trình bày:

Ngày 20/01/2019 bà vay vợ chồng ông Q, bà M 10.000.000đồng và ngày 23/12/2019 vay tiếp 30.000.000đồng. Hai bên thỏa thuận lãi suất 6%/tháng, bà đã trả lãi cho vợ chồng ông Q, bà M cho đến tháng 5/2021 thì ngưng không trả lãi nữa và những lần trả lãi không có viết giấy tờ gì cả. Tháng 5/2021 không trả lãi nữa nên ông Q, bà M khởi kiện tại Tòa án nên ngày 20/8/2021 bà viết giấy xác nhận nợ lại nợ vợ chồng ông Q, bà M tổng cộng là 40.000.000đồng. Các giấy nợ trước đó đã xé bỏ đi nên ngày 20/8/2021 viết lại là giấy xác nhận nợ là bà nợ ông Q, bà M 40.000.000đồng. Do bà đã trả lãi suất 6%/tháng cho bà M từ ngày vay đến tháng 7/2021 rồi nên nay bà chỉ đồng ý trả cho bà M 20.000.000đồng nợ gốc thôi. Ông Ya Đ là con trai bà viết giấy xác nhận cho bà ký vào.

Ngày 21/5/2021 bà M có viết cho bà giấy có chốt tổng 45.200.000đồng là trong đó có 40.000.000đồng gốc và 5.200.000đồng lãi nhưng tháng 5/2021 bà không trả được lãi nên bà M đã khởi kiện tại Tòa án đến ngày 20/8/2021 tại Tòa án con bà là Ya Đ đã viết giấy xác nhận là bà nợ ông Q, bà M 40.000.000đồng, giấy này tôi xác nhận là nợ ông Q, bà M 40.000.000đồng để biết, có gì để Tòa án xem xét vì bà đã trả rất nhiều lãi rồi.

Với yêu cầu của ông Q, bà M thì bà chỉ đồng ý trả 20.000.000đồng.

* Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Ma W chỉ đồng ý trả cho vợ chồng ông Q, bà M 30.000.000đồng nợ gốc. Còn lại không đồng ý vì đã trả lãi nhiều cho vợ chồng ông Q, bà M rồi. Bà M yêu cầu bà Ma W trả cho ông Q, bà M 40.000.000đồng nợ gốc và lãi suất của 40.00.000đồng nợ gốc từ ngày 20/8/2021 đến nay với lãi suất 20%/năm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa là đúng pháp luật. Đề nghị căn cứ Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự

năm 2015. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Huỳnh Q, bà Nguyễn Thị M. Buộc bà Ma W có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Huỳnh Q, bà Nguyễn Thị M 40.000.000đồng nợ gốc và lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" giữa nguyên đơn vợ chồng ông Huỳnh Q, bà Nguyễn Thị M và bị đơn bà Ma W. Tại phiên tòa hôm nay, ông Huỳnh Q có đơn xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông Huỳnh Q.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Xét về yêu cầu khởi kiện của ông Q, bà M yêu cầu bà Ma W trả cho ông Q, bà M 40.000.000đồng nợ gốc và lãi suất của 40.00.000đồng nợ gốc từ ngày 20/8/2021 đến nay với lãi suất 20%/năm, thì thấy rằng:

Ngày 20/01/2019 vợ chồng ông Q, bà M cho bà Ma W vay 10.000.000đồng và ngày 23/12/2019 vợ chồng ông Q, bà M cho bà Ma W vay tiếp 30.000.000đồng. Tổng cộng là 40.000.000đồng. Vợ chồng ông Q, bà M và bà Ma W đều thừa nhận nên đây là tình tiết không phải chứng M theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vợ chồng bà M khai, do bà Ma W không trả được nợ nên tháng 7/2021 bà đã khởi kiện bà Ma W tại Tòa án nhân dân huyện Đ. Sau khi khởi kiện thì bà Ma W có hứa trả nợ cho vợ chồng bà M nên bà M đã rút đơn khởi kiện và ngày 20/8/2021 giữa bà M và bà Ma W hai bên ghi giấy xác nhận nợ bà Ma W có vay vợ chồng ông Q, bà M số tiền 40.000.000đồng (bút lục số 32), có con bà Ma W là ông Ya Đ là người làm chứng. Tại phiên tòa, ông Ya Đ cũng thừa nhận bà Ma W nợ vợ chồng ông Q, bà M 40.000.000đồng gốc. Do đó, có đủ căn cứ khẳng định bà Ma W có vay của vợ chồng ông Q, bà M 40.000.000đồng.

Vợ chồng bà M cho rằng khi cho vay thỏa thuận lãi suất miệng là 2%/tháng nhưng bà Ma W cho rằng thỏa thuận lãi suất là 6%/tháng nhưng bà Ma W không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng M. Trong khi, vợ chồng bà M không thừa nhận. Do đó, chỉ có căn cứ xác định khi vợ chồng bà M cho bà Ma W vay thì thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng.

Vợ chồng bà M cho rằng, đối với khoản tiền 10.000.000đồng cho bà Ma W vay ngày 20/01/2019, vợ chồng bà M đã lấy lãi cho đến tháng 12/2019, với lãi suất 2%/tháng. Ngày 23/12/2019 vợ chồng bà M cho vay tiếp 30.000.000đồng. Tính đến ngày 23/12/2019 tổng số tiền bà Ma W vay là 40.000.000đồng cho đến nay bà Ma W chưa trả được đồng nào tiền lãi. Trong khi, bà Ma W cho rằng đã trả lãi 6%/tháng cho vợ chồng bà M từ khi vay cho đến tháng 6/2021 nhưng bà Ma W không xuất trình

được tài liệu, chứng cứ để chứng M nên không có cơ sở để xem xét.

Do đó, vợ chồng ông Q, bà M yêu cầu bà Ma W trả cho vợ chồng ông Q, bà M 40.000.000đồng nợ gốc và lãi suất của 40.000.000đồng nợ gốc từ ngày 20/8/2021 đến nay với mức lãi suất 20%/năm là có căn cứ đúng pháp luật nên cần chấp nhận. Lãi suất được tính như sau: 40.000.000đồng x 20%/365 ngày x 213 ngày = 4.668.000đồng lãi.

Từ những phân tích và nhận định trên, cần buộc bà Ma W có nghĩa vụ trả cho ông Q, bà M 40.000.000đồng nợ gốc và 4.668.000đồng lãi là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Q, bà M nên buộc bị đơn bà Ma W phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.233.000đồng (44.668.000đồng x 5%) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 220, 227, 228, 264, 266 và Điều 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng Huỳnh Q, bà Nguyễn Thị M về vụ việc tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản đối với bị đơn bà Ma W.

Buộc bà Ma W có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Huỳnh Q, bà Nguyễn Thị M 40.000.000đồng gốc và 4.668.000đồng lãi.

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành còn phải chịu số tiền lãi theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Buộc bà Ma W phải chịu 2.233.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho vợ chồng ông Huỳnh Q, bà Nguyễn Thị M 1.000.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, vợ chồng ông Huỳnh Q, bà Nguyễn Thị M đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007964 ngày 12/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi

bổ sung năm 2015; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bà Nguyễn Thị M, bà Ma W có quyền kháng cáo để xin Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Riêng ông Huỳnh Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để Tòa án tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Vũ